TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/DS-ST
Ngày: 10/10/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh.
2. Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/10/2022, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2021/TLST – DS ngày 21/12/2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST–DS ngày 17/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 550/2022/QĐST – DS ngày 06/6/2022; Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 628/2022/QĐST - DS ngày 04/7/2022; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 167/2022/QĐST – DS ngày 04/8/2022; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 917/2022/QĐST – DS ngày 23/9/2022; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 1574//TB-TA ngày 23/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã BC, huyện LT, Đồng Nai.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Xuân Tr, sinh năm 1978.
Địa chỉ: C, Tổ D, khu phố E, phường QV, TP BH, tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 12/01/2022)

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1986.
Bà Tống Thị L, sinh năm 1990
Địa chỉ: Ấp V, xã BC, huyện LT, Đồng Nai.

Ông Tr có mặt; Ông H1, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Thái Xuân Tr trình bày:***

Do có quen biết từ trước nên bà H cho ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L vay tiền làm ăn. Số tiền bà H cho ông H1, bà L vay lên tới 10.400.000.000đ và ngày 24/5/2020 viết giấy vay mượn tiền, thời hạn trả nợ là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng 20%/năm. Khi vay, ông H1, bà L không cầm cố, thế chấp gì.

Đến ngày 24/8/2020, ông H1, bà L không trả nợ, cũng không thanh toán bất kỳ khoản tiền lãi nào nên bà H đã tìm gặp vợ chồng ông H1 để đòi nợ nhưng vợ chồng ông H1 cố tình lẩn tránh. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành buộc ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L phải trả số tiền nợ gốc 10.400.000.000đ và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể:

- Tiền lãi trong hạn từ ngày 24/5/2020 đến ngày 24/8/2020.

10.400.000.000đ x 1,67%/tháng x 3 tháng = 521.040.000đ

- Tiền lãi quá hạn từ ngày 25/8/2020 đến khi xét xử (tạm tính 15 tháng):

10.400.000.000đ x 1,67%/tháng x 150% x 15 tháng = 3.907.800.000đ

- Tiền lãi đối với lãi trong hạn từ ngày 25/8/2020 tới ngày xét xử:

521.040.000.000đ x 0,83%/tháng x 15 tháng = 64.869.480đ

Tổng cộng, bà H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H1, bà L phải trả số tiền 14.893.700.000đ.

Tại phiên tòa, ông Thái Xuân Tr xác định khoảng cuối năm 2020, vợ chồng ông H1, bà L đã trả được 3.000.000.000đ tiền gốc, ngoài ra không trả được khoản tiền nào khác. Vì vậy, ông Tr xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 3.000.000.000đ tiền nợ gốc, chỉ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H1 trả 7.400.000.000đ nợ gốc. Lãi suất xin điều chỉnh lại với mức 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng và tính lãi từ ngày 24/8/2020 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 10/10/2022.

Lãi suất cụ thể: 7.400.000.000đ x 0,83%/tháng x 25 tháng = 1.535.500.000đ.

Bị đơn ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Tòa án đình chỉ. Đại diện nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi là phù hợp. Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc vợ chồng ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L phải trả cho bà

Nguyễn Thị H tiền nợ gốc 7.400.000.000đ, tiền lãi đến ngày xét xử là 1.535.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L cư trú tại xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Do đó, bà Nguyễn Thị H khởi kiện đối với ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L về việc trả nợ vay, Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật. Đồng thời, Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý đơn khởi kiện và xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L cư trú tại Ấp V, xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Trong giấy vay mượn tiền ngày 24/5/2022 cũng thể hiện địa chỉ nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành xác minh tại địa phương vào ngày 31/3/2022 thì được biết ông H1, bà L không còn sinh sống ở địa phương khoảng 4 tháng nay. Như vậy, ông H1, bà L bỏ địa phương đi trước khi bà H khởi kiện khoảng 01 tháng mà không thông báo chỗ ở mới cho bà H biết. Do đó, khi khởi kiện, bà H đã cung cấp đúng địa chỉ của người bị kiện, ông H1, bà L bỏ đi nhưng không cung cấp địa chỉ cư trú mới cho bà H biết là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Long Thành vẫn tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với hướng dẫn tại điểm b, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Bị đơn ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Long Thành vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Tại phiên tòa, ông Thái Xuân Tr xin rút một phần yêu cầu đối với 3.000.000.000đ tiền nợ gốc, chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà L, ông H1 trả 7.400.000.000đ tiền gốc nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra, ông Thái Xuân Tr còn xin thay đổi mức lãi suất. Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H1, bà L trả tiền lãi theo mức lãi suất 20%/tháng và thời điểm tính lãi bắt đầu từ ngày 24/5/2020 đến khi xét xử. Tại phiên tòa, ông Tr chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông H1, bà L trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm và thời điểm tính lãi từ ngày 24/8/2020 đến khi xét xử là 25 tháng. Nhận thấy việc xin thay đổi mức lãi suất vẫn trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Ngày 24/5/2020, ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L đã viết Giấy vay mượn tiền thể hiện nội dung: *Ông H1, bà L vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 10.400.000.000đ hẹn 03 tháng trả hết. Cuối giấy vay mượn tiền, ông H1, bà L đã ký vào phần người vay*.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã nhiều lần triệu tập ông H1, bà L đến để làm việc, mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H1, bà L vẫn vắng mặt không có lý do.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có nghĩa vụ cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Nguyễn Thị H đã giao nộp cho Tòa án bản chính Giấy vay mượn tiền ngày 24/5/2020. Nội dung của các chứng cứ do bà H đưa ra thể hiện ông H1, bà L có vay của bà H số tiền 10.400.000.000đ, hẹn đến ngày 24/8/2020 trả hết. Cuối giấy vay mượn tiền, ông H1, bà L còn ký, ghi rõ họ tên. Ngày 24/8/2020, bà Tống Thị L viết giấy gia hạn, hẹn đến ngày 24/11/2020 vợ chồng ông H1, bà L sẽ trả hết.

Để có căn cứ tiến hành giám định, xác định chữ ký, chữ viết Phạm Văn H1, Tống Thị L, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – CN Long Thành cung cấp các bản chính có mẫu chữ ký của ông H1, bà L trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 96, tờ bản đồ 30 xã Bàu Cạn. Tuy nhiên, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có mẫu chữ ký, chữ viết của ông Phạm Văn H1, không có mẫu chữ ký, chữ viết của bà Tống Thị L.

Tại Kết luận Giám định số 1910/KL-KTHS ngày 23/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai đã xác định: *Chữ ký và chữ viết mang tên Phạm Văn H1 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký và chữ viết mang tên Phạm Văn H1 trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) do cùng một người ký và viết ra*.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định việc vợ chồng ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 10.400.000.000đ ngày 24/5/2020 là đúng sự thật.

Tại phiên tòa, ông Thái Xuân Tr là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định vào cuối năm 2020 (không nhớ rõ ngày, tháng), ông H1, bà L đã trả được 3.000.000.000đ tiền nợ gốc, hiện chỉ còn nợ 7.400.000.000đ. Do ông H1, bà L vắng mặt nhiều lần không có lý do, không có lời khai nên chỉ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn để xem xét.

Nhận thấy việc ông Tr đại diện theo ủy quyền của bà H thừa nhận số tiền đã trả là 3.000.000.000đ, hiện số nợ gốc còn 7.400.000.000đ là có lợi cho phía bị đơn. Ông H1, bà L đã không trả nợ theo đúng cam kết nên bà H khởi kiện yêu

cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành buộc vợ chồng ông H1, bà L phải trả số tiền còn 7.400.000.000đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về tiền nợ lãi:

Theo bà H, mặc dù trong giấy vay mượn tiền hai bên không ghi lãi suất nhưng lãi thỏa thuận miệng là 20%/năm. Tuy nhiên, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì chỉ có cơ sở xác định khi ký hợp đồng vay tài sản, các bên không thỏa thuận lãi suất vay. Vì vậy, căn cứ khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 24/5/2020 đến ngày 24/8/2020: không tính lãi suất.

Từ ngày 25/8/2020 đến ngày 10/10/2022: 7.400.000.000đ x 10%/năm x 25 tháng 15 ngày = 1.566.210.000đ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Tr yêu cầu bị đơn phải trả số lãi 1.535.500.000đ là có lợi cho phía bị đơn nên chấp nhận.

Tổng số tiền ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị H là 7.400.000.000đ + 1.535.500.000đ = 8.935.500.000đ.

[3] Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo quy định tại Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể, bà H yêu cầu Tòa án phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn H1 thuộc một phần trong tổng diện tích 4.653,3m^2 thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 30 xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 792359 ngày 24/7/2019 mang tên Phạm Văn H1 (là tài sản thuộc quyền sử dụng chung của ông Phạm Văn H1 với ông Ngô Viết H, sinh năm 1976, địa chỉ: K, đường LLQ, tổ I, khu phố O, Phường P, TP VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Sau khi xem xét đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ngày 31/12/2021, Tòa án đã ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L nên vẫn tiếp tục biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên để đảm bảo thi hành án. Bà Nguyễn Thị H được quyền liên hệ với Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam- CN Đông Đồng Nai để nhận lại số tiền 1.000.000.000đ trong tài khoản phong tỏa số 67110001586300 theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 28/2021/QĐ-BPBĐ ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

[4] Về án phí DSST: Bị đơn ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 116.936.000đ.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 61.447.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; ; khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 91, 126; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 203, 220, 235, 264, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L.

Buộc ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 8.935.500.000đ (tám tỷ chín trăm ba mười lăm triệu lăm trăm ngàn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 7.400.000.000đ, tiền lãi là 1.535.500.000đ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Phạm Văn H1, bà Tống Thị L về việc trả số nợ gốc 3.000.000.000đ.

3. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 29/2021/QĐ-BPKCTT ngày 31/12/2021 về việc Phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn H1 thuộc một phần trong tổng diện tích 4.653,3m^2 thuộc thửa 96, tờ bản đồ số 30 xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 792359 ngày 24/7/2019 mang tên Phạm Văn H1 (là tài sản thuộc quyền sử dụng chung của ông Phạm Văn H1 với ông Ngô Viết Hiếu, sinh năm 1976, địa chỉ: 19, đường Lạc Long Quân, tổ 7, khu phố 6, Phường 2, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) để đảm bảo thi hành án.

Bà Nguyễn Thị H được quyền liên hệ với Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam- CN Đông Đồng Nai để nhận lại số tiền 1.000.000.000đ trong tài khoản phong tỏa số 67110001586300 theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 28/2021/QĐ-BPBĐ ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

4. Về án phí DSST: Ông H1, bà L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 116.936.000đ.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 61.447.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005071 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi

hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật sân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H1, bà L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự H. Long Thành;*
- *VKS H. Long Thành;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Đình Trung